TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:172/2018/DS-PT
Ngày: 03/10/2018
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải

Bà Trần Thị Thúy hà

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông: Hà Huy Phong - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Mỹ Duyên- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2018/QĐ-PT ngày 10/7/2018 giữa:

- Nguyên đơn: Trần Phước H, sinh năm 1978. Trú quán: ấp Th, xã H, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: có ông Lại Văn G, sinh năm 1968. Địa chỉ: số 41/9^{c}, đường Nguyễn D, phường Mỹ B, thành phố X, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2018 tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lý Thanh Y, sinh năm 1974 (có mặt)

Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Th, thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: bà Nguyễn Minh L - là luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (cómặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Trần Phước H trình bày: trước đây do chỗ quen biết với nhau nên vợ chồng ông Y, bà M có hỏi vay tiền của ông là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), việc vay tiền có làm hợp đồng vay tài sản có có công chứng ngày 18.3.2017, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất. Khi vay thỏa thuận thời hạn 03 năm sẽ trả dứt, thời hạn đóng lãi là 06 tháng ông Y, bà M không trả lãi thì ông khởi kiện yêu cầu ông Y, bà M trả cả vốn và lãi. Do ông Y, bà M không thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng; nên ông khởi kiện yêu cầu ông Y bà M trả ông số tiền vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18.3.2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn: Ông Lý Thanh Y thừa nhận là ông có ký hợp đồng vay tài sản với ông Trần Phước H tại Văn phòng Công chứng với số tiền vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) có tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04203, theo thửa đất số 407, tờ bản đồ số 47, diện tích 650m^2 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ M cấp cho ông Y ngày 07/8/2015. Đất tọa lạc ấp Mỹ Q thị trấn Mỹ L, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, ông cho rằng ông chỉ nhận được số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Lý do ông H nói về đối chiếu lại sổ sách, do tin tưởng ông H nên ông ký vào hợp đồng vay; nhưng ông không có chứng cứ chứng minh cho việc ông chỉ nhận số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ông yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay và thế chấp giữa ông và ông H xác lập ngày 18.3.2017 tại Văn phòng Công chứng Lý Thanh D vô hiệu phần 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), ông đồng ý trả số tiền đã nhận của ông H là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Lê Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng bà M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt do ông Lý Thanh Y nộp tại phiên tòa, và bà đồng ý với ý kiến nội dung của chồng bà ông Lý Thanh Y, yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay và thế chấp giữa ông và ông H xác lập ngày 18.3.2017 tại Văn phòng Công chứng Lý Thanh D vô hiệu phần 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), ông đồng ý trả số tiền đã nhận của ông H là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Tại bản án dân sự sô thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M đã tuyên xử:

Áp dụng các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; các điều 26, 35, 126, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu;

- Buộc ông Lý Thanh Y và bà Lê Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Phước H số tiền vốn và lãi 2.188.000.000đ;

- Ông Hải có nghĩa vụ giao trả 01 giấy CNQSDĐ nêu trên cho ông Lý Thanh Y và bà Lê Thị Tuyết M khi ông Y và bà M trả xong số tiền 2.188.000.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật .

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2018 ông Lý T và bà Lê Thị Tuyết M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, vì ông bà chỉ nhận của

ông H số tiền 450.000.000đ; số tiền 2 tỷ mà ông H yêu cầu ông bà phải trả thực chất chỉ giao cho ông bà 450.000.000đ còn số tiền 1.550.000.000đ thì ông bà chưa nhận từ ông H. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Lý Thanh Y, Lê Thị Tuyết M, nộp trong hạn luật định, có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án;

Bà Lê Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng bà M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt do ông Lý Thanh Y nộp tại phiên tòa, và bà đồng ý với ý kiến nội dung của chồng bà ông Lý Thanh Y trình bày và đề nghị tòa án xét xử phúc thẩm vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M

[3] Về nội dung vụ án: do là chổ quen biết nên nguyên đơn ông Trần Phước H cho cho vợ chồng bị đơn Lý Thanh Y, Lê Thị Tuyết M vay số tiền 2.000.000.000 đồng có đảm bảo bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông Y, thời hạn vay là 3 năm, hợp đồng được lập tại Văn phòng công chứng Lý Thanh D vào ngày 18/3/2017. Do phía vợ chồng ông Y, bà M không thực hiện việc đóng lãi đúng theo nội dung thỏa thuận nên ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Y bà M phải trả tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật;

Quá trình giải,

quyết vụ án phía bị đơn Lý Thanh Y, Lê Thị Tuyết M thừa nhận có ký hợp đồng với ông H tại Văn Phòng công chứng Lý Thanh D để vay số tiền 2.000.000.000 đồng vào ngày 18/3/2017. Hợp đồng vay hai bên thực hiện có đảm bảo bằng tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04203, phần đất diện tích 650m^2, thửa số 407, tờ bản đồ số 47 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ M cấp cho ông Lý Thanh Y vào ngày 07/8/2015. Ông Y cho rằng đối với hợp đồng vay các bên xác lập vào ngày 18/3/2017, ông chỉ nhận số tiền 450.000.000 đồng chứ không nhận đủ số tiền 2.000.000.000đ như trong hợp đồng nên không đồng ý trả số tiền 2.000.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H. Ông yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vay và thế chấp giữa ông và ông H xác lập vào ngày 18.3.2017 tại Văn phòng công chứng Lý Thanh D vô hiệu phần 1.550.000.000 đồng, ông chỉ đồng ý trả số tiền đã nhận của ông H là 450.000.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo giữa ông H và ông Y được thực hiện vào ngày 18/3/2017 tại Văn phòng công chứng Lý Thanh D có nội dung tại "Điều 1 thể hiện rõ bên A cho bên B vay số tiền là 2.000.000.000 đồng, bên A giao tiền cho bên B vào ngày 18/03/2017"; có đủ căn cứ xác định theo hợp đồng thì ông H có cho ông Y vay số tiền 2.000.000.000 đồng và hai bên đã thực hiện việc giao nhận tiền. Hợp đồng vay tiền được xác lập giữa ông H với ông Giang trên

cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, có công chứng chứng thực theo quy định pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực.

Bị đơn Lý Thanh Y, Lê Thị Tuyết M kháng cáo cho rằng chỉ nhận của ông H số tiền 450.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền này, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền 1.550.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng đã thể hiện việc các bên đã giao nhận tiền vào ngày 18/3/2018 cùng với thời điểm làm hợp đồng; Do đó, việc ông Y cho rằng khi ký hợp đồng chỉ nhận số tiền 450.000.000 đồng từ ông H chứ không phải 2.000.000.000đ được thể hiện trong hợp đồng và theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo bà Nguyễn Minh L phát biểu: thống nhất việc giữa vợ chồng ông Y, bà M có ký hợp đồng vay tài sản với ông Trần Phước H tại Văn phòng Công chứng Lý Thanh D vào ngày 18/3/2017. Tuy nhiên, trong hợp đồng không thể hiện việc phía ông Y có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng từ ông Trần Phước H, ông Y cho rằng sau khi ký tên vào hợp đồng ông chỉ nhận của ông H 450.000.000đ, còn lại số tiền 1.550.000.000 đồng thì ông Y không có nhận. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng vay buộc vợ chồng ông Y, bà M phải trả cho ông Hải số tiền 2.000.000.000đ lả không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.550.000.000đ và tính lại số tiền lãi cho phù hợp.

[5] Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Lại Văn G trình bày: vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và đồng ý với quyết định của án sơ thẩm. Hợp đồng vay phía ông H và ông Lý Thanh Y thực hiện vào ngày 18/3/2018 đã thể hiện rõ việc các bên đã giao nhận số tiền 2.000.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Thanh Y; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm như: Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Điều 285; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Điều 286; yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Điều 287; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 290 và triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo Điều 294, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Đối với các đương sự, từ khi tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay được thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo vào ngày 18/3/2017 tại Văn phòng công chứng Lý Thanh D thể hiện ông Lý Thanh Y có vay của ông Trần Phước H số tiền 2.000.000.000 đồng. Hợp đồng xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, ông Lý Thanh Y thừa nhận có ký tên vào hợp đồng, do ông Y vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ông Trần Phước H khởi kiện yêu cầu ông Y trả số tiền vốn và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 18/03/2017 đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận. Bà Lê Thị Tuyết M tuy không trực tiếp giao kết hợp đồng với ông Trần Phước H nhưng bà biết rõ việc vay tiền giữa ông H với ông Y, số nợ ông Y vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và ông và ông Y vay nợ với mục đích kinh doanh phục vụ cho đời sống gia đình nên ông H yêu cầu bà M liên đới với ông Y trả tiền cho ông H là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Y thừa nhận giữa vợ chồng ông và vợ ông H có làm ăn với nhau, vợ ông cũng có thiếu tiền của vợ ông H, không biết là bao nhiêu nhưng chưa tới 1.550.000.000đ. Ông Y cung cấp chứng cứ mới là tờ hóa đơn ngày 18/4/2017, thể hiện mức lãi, tiền lãi của 450.000.000 đồng và 1.550.000.000 đồng. Nhưng tờ hóa đơn là những con số, không thể hiện việc giao nhận tiền giữa hai bên. Ông Y kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và lời trình bày của ông Y cũng không được ông H thừa nhận. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chợ M tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H, buộc ông Lý Thanh Y , bà Lê Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Phước H số tiền vốn và lãi 2.188.000.000 là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Thanh Giang, bà Lê Thị Tuyết Mai, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 29/03/2018, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[7] Xét đơn yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lý Thanh Y, bà Lê Thị Tuyết M, với nội dung vợ chồng ông Y, bà M chỉ thừa nhận có vay của ông H 450.000.000đồng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Huyện Chợ M, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H đối với số tiền 1.550.000.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa ông Trần Phước H và ông Lý Thanh Y có xác lập hợp đồng vay với số tiền 2.000.000.000 đồng có làm Hợp đồng vay tài sản ngày 18/03/2017 với nội dung: Ông Y vay cùa ông H 2.000.000.000đồng, với mục đích để kinh doanh, lãi suất 1,25% /tháng, thời hạn vay 03 năm, nếu ông Y, bà M vi phạm nghĩa vụ trả lãi quá 6 tháng thì ông H có quyền khởi kiện yêu cầu ông Y, bà M trả số tiền trên. Bà Lê Thị Tuyết M tuy không trực tiếp giao kết hợp đồng với ông Trần Phước H nhưng bà biết rõ việc vay tiền giữa ông Hải với ông Y, số nợ ông Y vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và ông và ông Giang vay nợ với mục đích kinh doanh phục vụ cho đời sống gia đình nên ông H yêu cầu bà M liên đới với cùng ôngY trả tiền cho ông H là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Đối với hợp đồng vay tiền được xác lập giữa ông H với ông Y vào ngày 18/3/2017 thì ôngY có vay ông H số tiền 2.000.000.000 đồng; Tại Điều 1 của hợp đồng đã thể hiện nội dung các bên đã giao nhận tiền. Hợp đồng vay được các bên thực hiện trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng chứng thực nên đã phát sinh hiệu lực của hợp đồng kể từ thời điểm các bên ký kết. Giữa ông H và ông Y cũng đều thừa nhận có ký tên vào hợp đồng. Tuy nhiên, ông Y, bà M cho rằng chỉ nhận của ông H số tiền 450.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.550.000.000đ thì ông chưa nhận từ ông H. Tuy nhiên, ông Y không có chứng cứ chứng minh cho việc chỉ nhận từ ông H số tiền 450.000.000đ; cũng không được ông H thừa nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Y thừa nhận giữa vợ chồng ông và vợ ông H có làm ăn với nhau, vợ ông cũng có thiếu tiền của vợ ông H, không biết là bao nhiêu nhưng chưa tới 1.550.000.000đ. Ông Y cung cấp chứng cứ mới là tờ hóa đơn ngày 18/4/2017. Nhưng tờ hóa đơn tên của cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Phước X (gọi tắt VLXD& Trang trí nội thất) được thể hiện người mua hàng là Anh Y và những con số được thể hiện:

(1 triệu ngày 3 ngàn).

phần 450.000.000đ, 30 ngày x 1350 – 40.500.000 đ.

1.550.000.000 đ (2,P 5) – 1292(1 ngày) 38.760.000đ.

TC 79.260.000

Tờ hóa đơn chỉ có những con số, không thể hiện việc có giao nhận tiền giữa hai bên, người nhận nợ và người cho vay. Nhận thấy chứng cứ ông Y cung cấp không chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và lời trình bày của ông Y cũng không được ông H thừa nhận.

+ Đối với giao dịch thế chấp tài sản mà các bên thực hiện bằng việc đảm bảo cho khoản vay bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04203 ngày 07/8/2015 do ông Lý Thanh Y đứng tên; Việc giao dịch này chưa được đảm bảo bằng đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H có trách nhiệm giao trả lại cho ông Y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là có căn cứ;

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Thanh Y, bà Lê Thị Tuyết M và quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lý Thanh Y.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên phía ông Lý Thanh Y, bà Lê Thị Tuyết M mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ, đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo phiếu thu số 0019692 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ M, nên ông Y, bà M phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Phúc xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Thanh Y bà Lê Thị Tuyết M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Giữa nguyên đơn ông Trần Phước H, bị đơn ông Lý Thanh Y và bà Lê Thị Tuyết M

Buộc ông Lý Thanh Y và bà Lê Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Phước H số tiền vốn và lãi là 2.188.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi tám triệu đồng).

Buộc ông Trần Phước H phải giao trả lại cho ông Lý Thanh Y, bà Lê Thị Tuyết M 1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04203 ngày 07/8/2015 do ông Lý Thanh Y đứng tên kể từ thời điểm ông Y, bà M trả xong tiền cho ông H.

- Về án phí sơ thẩm: ông Lý Thanh Y và bà Lê Thị Tuyết M phải liên đới chịu 75.760.000 đồng.

-Ông Trần Phước H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 18.000.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0014442 ngày 17.10.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Lý Thanh Y, bà Lê Thị Tuyết M mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ, do ông Y, bà M đã nộp chung 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo phiếu thu số 0019692 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ M tỉnh An Giang, nên ông Y, bà M còn phải nộp thêm 300.000đ tiền án phí phúc thẩm theoquy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản án phí dân sự sơ thẩm:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/10/2018).

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Minh Hải **Trần Thị Thúy Hà** **Cao Minh Lễ**